CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận tải biển Global Pacific

Ngày 30/09/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	-	-

DT thuần
Q3/25
183
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 12.4%
YoY: ▲ 24.0| 15.3%

LN thuần
Q3/25
7.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.63| -34.0%
YoY: ▼23.4| -76.8%

LN sau thuế
Q3/25
5.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.75| -32.7%
YoY: ▼18.7| -76.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
18.3%
YoY: +/-▼ 4.1%

ROE (TTM)
Q3/25

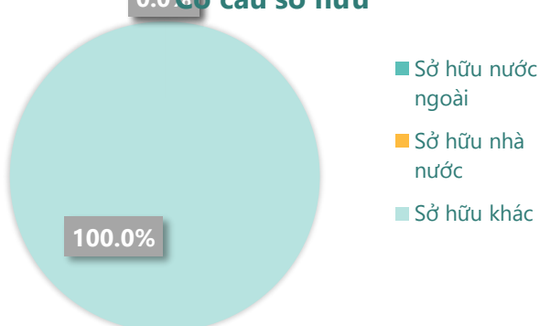
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,200 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	510
Số lượng CPLH (CP)	50,035,493
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,350
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.42
EPS	
P/E	

DT thuần
9T 2025
535
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 162| 43.5%

LN thuần
9T 2025
36.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.1| -52.8%

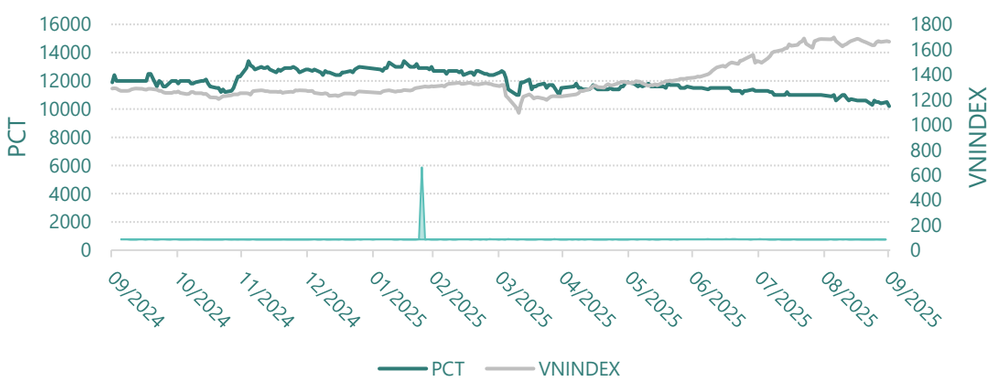
LN sau thuế
9T 2025
29.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.1| -53.1%

Cơ cấu sở hữu

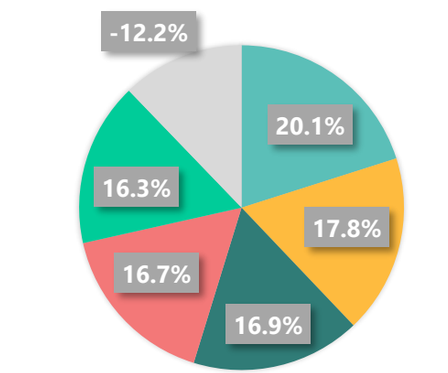


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



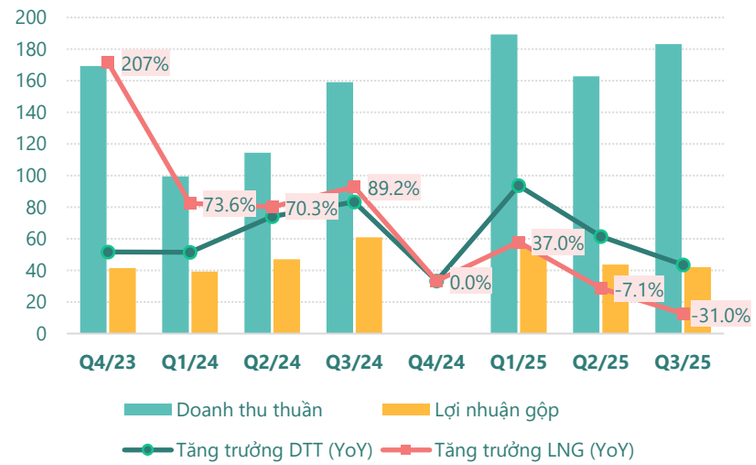
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

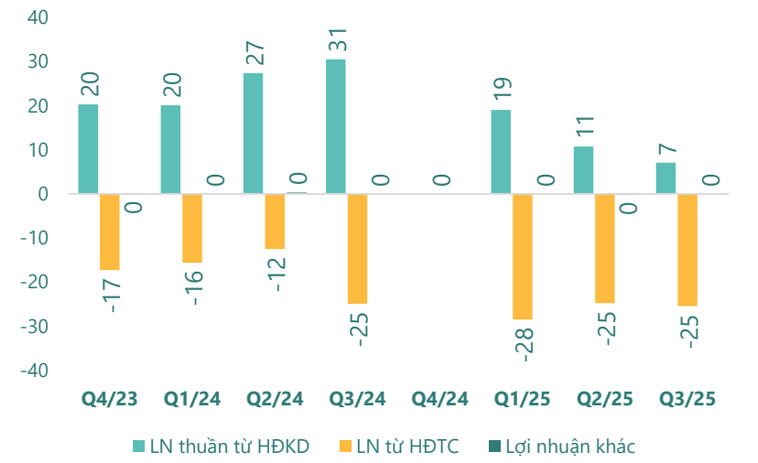
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



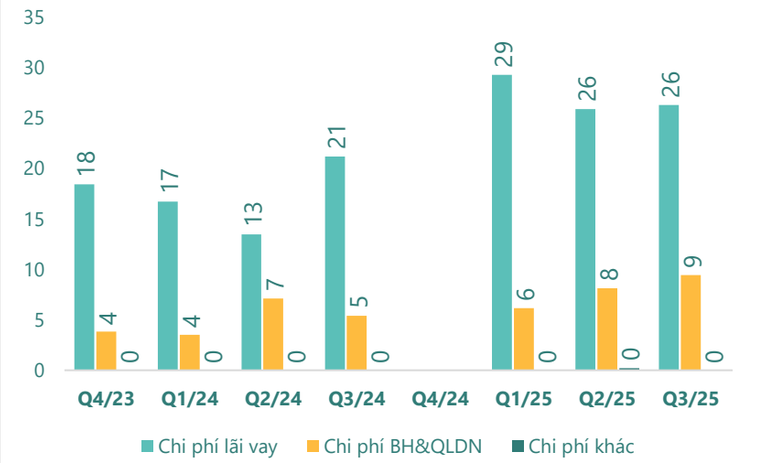
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



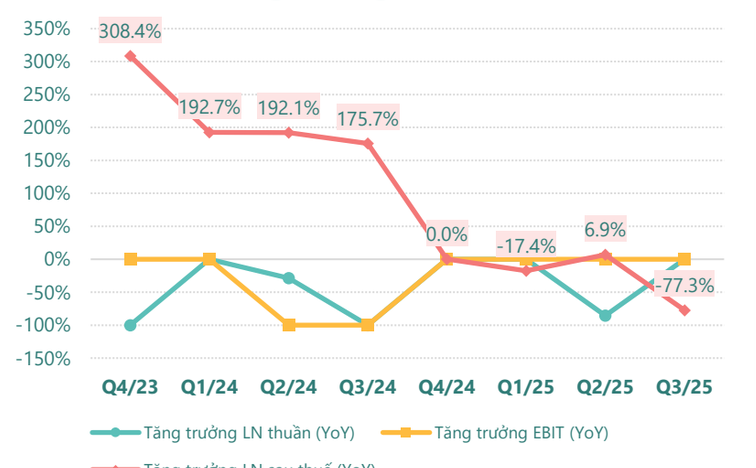
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



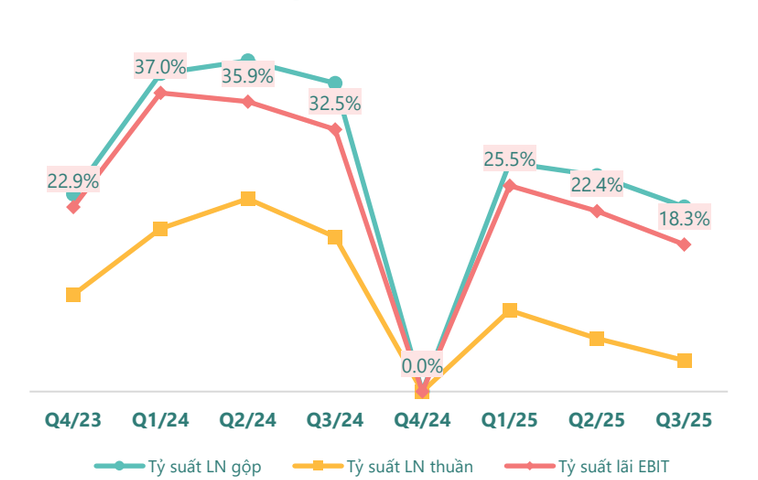
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

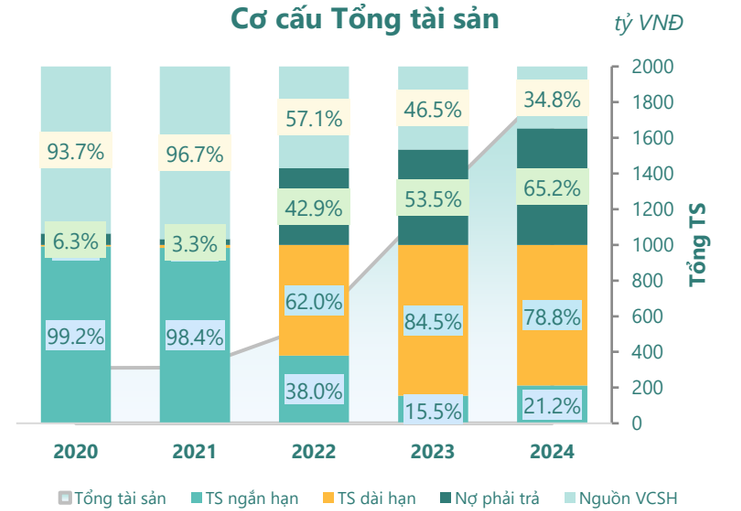
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

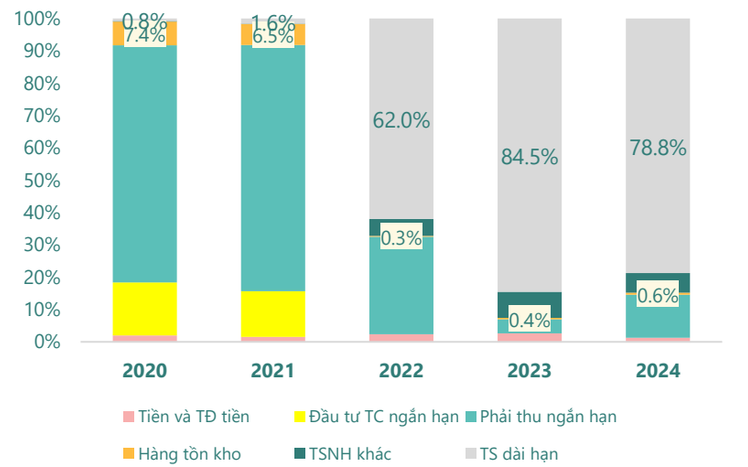
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



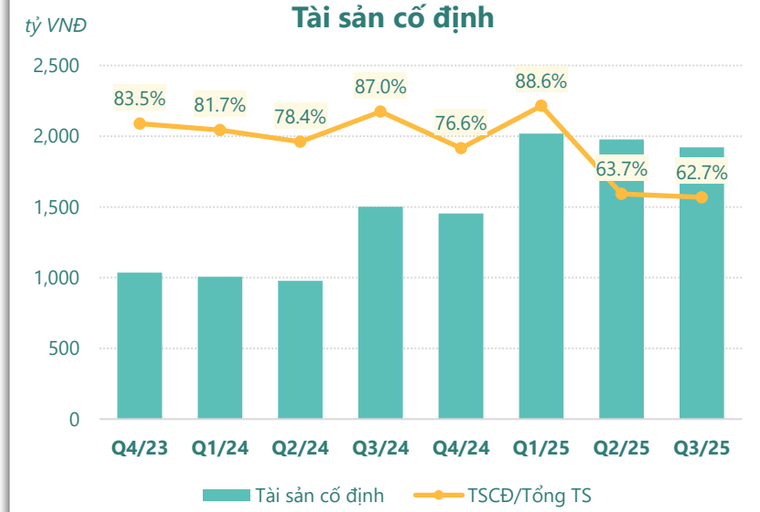
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



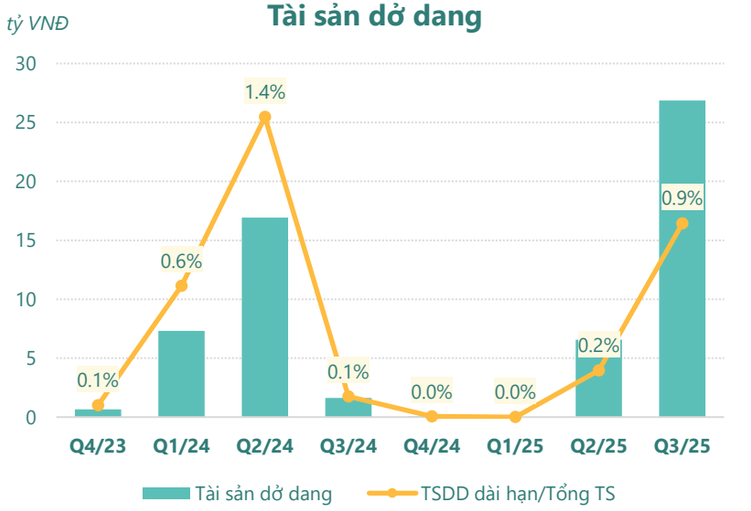
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



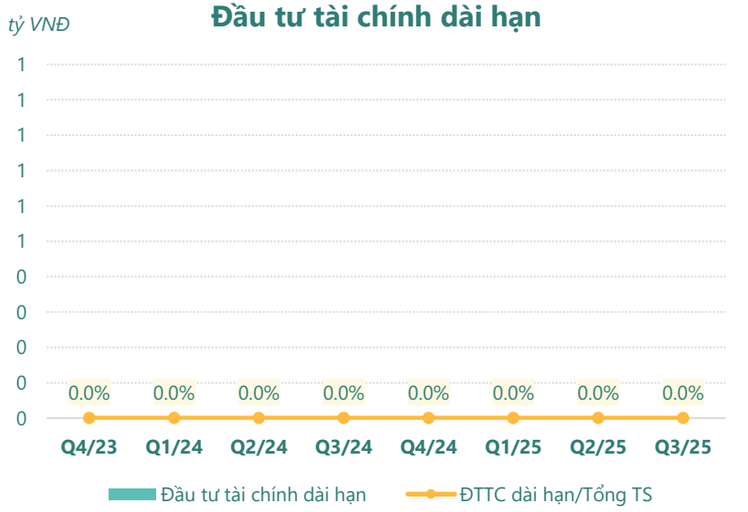
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



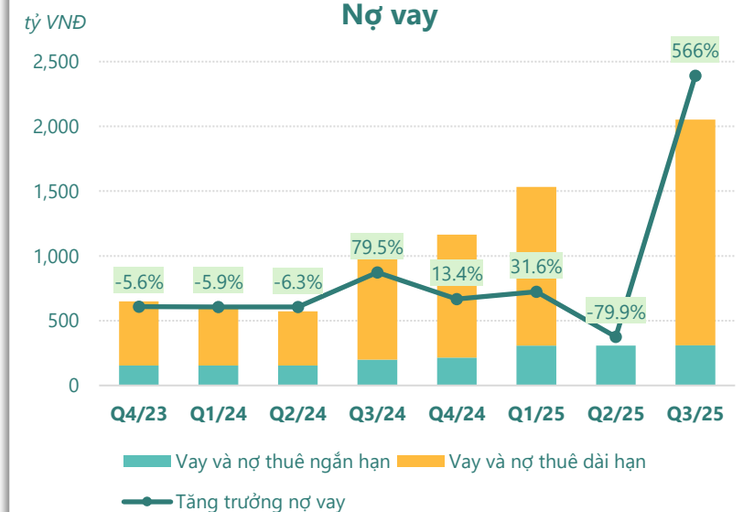
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

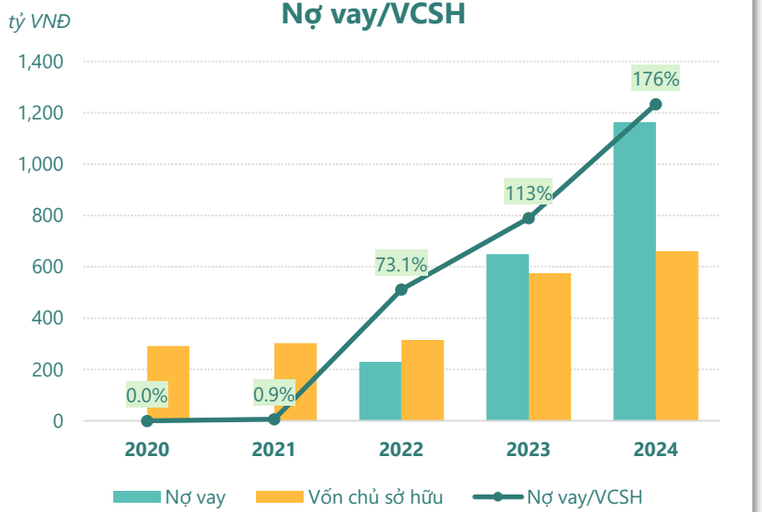
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

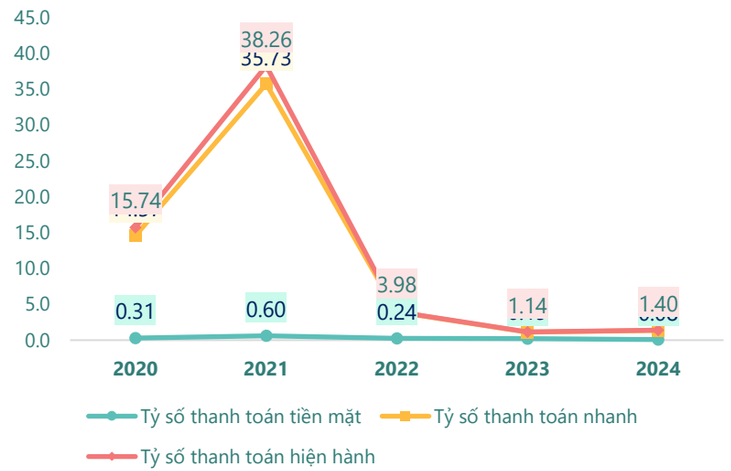
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



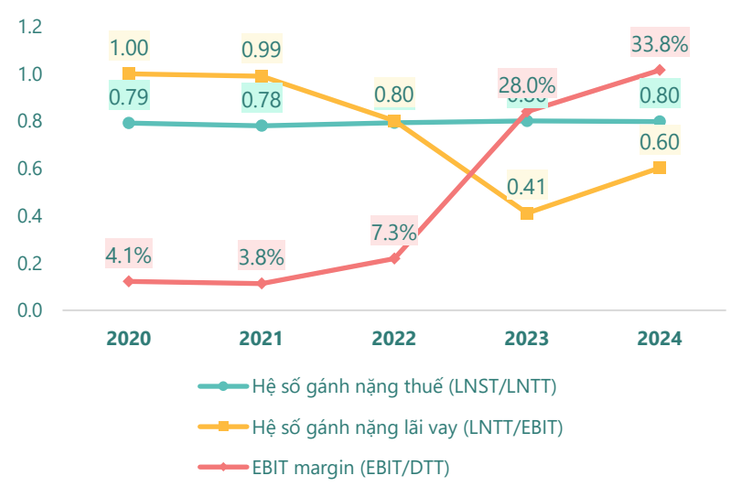
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



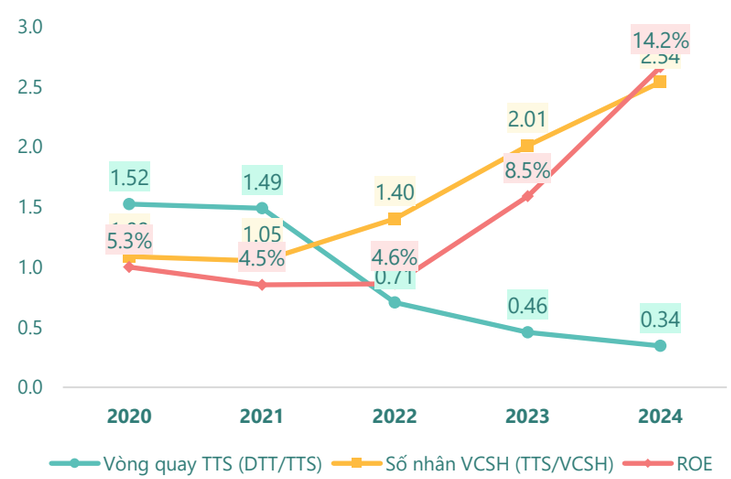
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



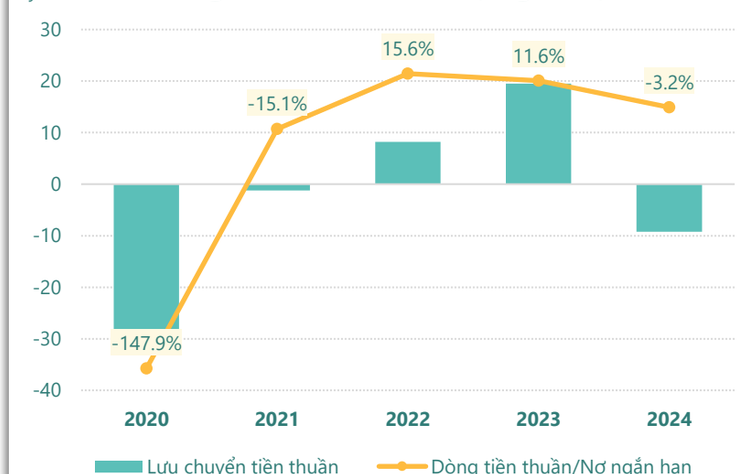
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**183**	**159**	**15.3%**	**535**	**373**	**43.5%**
Giá vốn hàng bán	141	98.2	43.9%	396	226	75.3%
Lợi nhuận gộp	42.0	60.8	-31.0%	139	147	-5.2%
Doanh thu HĐTC	2.15	0.83	159%	7.21	3.62	99.3%
Chi phí TC	27.6	25.7	7.4%	86.0	56.6	51.8%
Chi phí lãi vay	26.3	21.2	24.2%	81.5	51.4	58.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**9.45**	**5.40**	**75.0%**	**23.8**	**16.0**	**48.0%**
LN thuần từ HĐKD	7.07	30.5	-76.8%	36.8	77.9	-52.8%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.00**		**-0.13**	**0.31**	**-140%**
LN trước thuế	7.12	30.5	-76.7%	36.7	78.3	-53.1%
Lợi nhuận sau thuế	**5.66**	**24.4**	**-76.8%**	**29.3**	**62.4**	**-53.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.66**	**24.4**	**-76.8%**	**29.3**	**62.4**	**-53.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	67.6	64.4	0	42.1	384	85.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.19	-571	0	-427	-974	1.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.6	455	0	368	597	-76.7
Tiền đầu kỳ	45.1	73.9	0	23.2	6.16	12.8
Lưu chuyển tiền thuần	**28.8**	**-51.9**	**0**	**-17.0**	**6.69**	**9.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.9	22.0	0	6.16	12.8	22.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,064**	**1,899**	**61.4%**
Tài sản ngắn hạn	149	403	-63.0%
Tiền và tương đương tiền	22.6	23.2	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.3	0	
Phải thu ngắn hạn	61.5	253	-75.7%
Hàng tồn kho	15.6	11.7	32.5%
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	115	-81.5%
Tài sản dài hạn	**2,915**	**1,496**	**94.9%**
Phải thu dài hạn	932	2.20	42248%
Tài sản cố định	1,922	1,454	32.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.9	0.06	41271%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**34.5**	**39.0**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,378	1,238	92.1%
Nợ ngắn hạn	**403**	**289**	**39.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	309	214	44.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.6	33.3	46.0%
Nợ dài hạn	1,975	950	108%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,743	950	83.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**686**	**660**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**686**	**660**	**3.8%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)